

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2013/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về quy trình phối hợp luân chuyển hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 30/2005/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc luân chuyển hồ sơ của người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính;

Căn cứ Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 94/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 579/TTr-STNMT ngày 03 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, Quy định về quy trình phối hợp luân chuyển hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Giao cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế Kiên Giang; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh, huyện, thị xã, thành phố; Chi Cục trưởng Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Thi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về quy trình phối hợp luân chuyển hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính
của người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về quy trình phối hợp giữa các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc luân chuyển hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Thuế, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện hoặc các Tổ chức tín dụng được ủy nhiệm thu ngân sách nhà nước, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc luân chuyển hồ sơ, xác định thu nộp nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quy định về nơi tiếp nhận hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính

Cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc luân chuyển hồ sơ đến cơ quan Tài chính để xác định giá đất; cơ quan Thuế xác định nghĩa vụ tài chính.

Điều 3. Nguyên tắc luân chuyển hồ sơ

1. Hoạt động phối hợp luân chuyển hồ sơ phải thực hiện thường xuyên, thống nhất trong phạm vi toàn tỉnh trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan có liên quan đã được pháp luật quy định.

2. Khi phối hợp xác định nghĩa vụ tài chính có những nội dung phức tạp, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện phải được bàn bạc, giải quyết kịp thời, trong trường hợp không thống nhất hướng giải quyết thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan quản lý trực tiếp cấp trên để xem xét quyết định.

3. Việc luân chuyển thông tin địa chính từ cơ quan Tài nguyên và Môi trường đến cơ quan Tài chính để xác định đơn giá đất theo quy định tại Điều 4 của Quy định được thực hiện trực tiếp, kể cả việc chuyển giao quyết định đơn giá đất từ cơ quan Tài chính đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

4. Việc luân chuyển thông tin địa chính từ cơ quan Tài nguyên và Môi trường đến cơ quan Thuế để xác định các khoản nghĩa vụ tài chính theo quy định tại Điều 5 của Quy định được thực hiện trực tiếp, kể cả thông báo nộp tiền được chuyển giao từ cơ quan Thuế đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

Chương II

CÁC TRƯỜNG HỢP PHỐI HỢP LUÂN CHUYỂN THÔNG TIN ĐỊA CHÍNH

Điều 4. Các trường hợp và thành phần luân chuyển thông tin địa chính từ cơ quan Tài nguyên và Môi trường đến cơ quan Tài chính để xác định đơn giá đất, gồm:

- Văn bản đề nghị xác định giá đất (bản chính);
- Bản vẽ trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất (bản sao).

Ngoài thành phần hồ sơ trên, tùy từng trường hợp thành phần hồ sơ như sau:

1. Trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, gia hạn sử dụng đất, gia hạn thuê đất:

a) Quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc quyết định gia hạn sử dụng đất của cấp có thẩm quyền (bản chính).

b) Biên bản bàn giao đất tại thực địa (bản chính, đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất).

c) Dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản sao).

2. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép:

Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cấp có thẩm quyền (bản chính).

3. Trường hợp Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất (đối với tổ chức):

Quyết định công nhận quyền sử dụng đất (bản chính).

4. Trường hợp Nhà nước cho phép chuyển hình thức từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất:

a) Văn bản cho phép chuyển hình thức từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền (bản sao).

b) Giấy chứng nhận đầu tư (bản sao nếu có).

5. Trường hợp tổ chức đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nay điều chỉnh diện tích:

Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc đổi diện tích (bản sao).

6. Trường hợp chia tách, sáp nhập hoặc đổi tên tổ chức:

Văn bản chia tách, sáp nhập hoặc quyết định cho phép đổi tên của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao).

Điều 5. Các trường hợp và thành phần hồ sơ luân chuyển thông tin địa chính từ cơ quan Tài nguyên và Môi trường đến cơ quan Thuế để xác định các khoản nghĩa vụ tài chính, gồm:

- Phiếu chuyển thông tin địa chính theo quy định (bản chính);
- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định (bản chính);
- Bản vẽ trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất (bản sao, không áp dụng đối với hồ sơ chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng).

Ngoài thành phần trên, tùy từng trường hợp thành phần hồ sơ cụ thể như sau:

1. Trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất - thuê mặt nước, gia hạn sử dụng đất, gia hạn thuê đất hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

a) Quyết định giao đất, cho thuê đất, gia hạn sử dụng đất, gia hạn thuê đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền (bản chính).

b) Biên bản bàn giao đất tại thực địa (bản chính, đối với giao đất, cho thuê đất).

c) Quyết định giá đất, đơn giá thuê đất của cấp có thẩm quyền (bản sao).

d) Hợp đồng thuê đất, thuê mặt nước (bản chính, đối với thuê đất, thuê mặt nước, gia hạn thuê đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước cho thuê đất).

đ) Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được thẩm định (bản sao).

2. Trường hợp được chuyển mục đích sử dụng đất:

a) Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cấp có thẩm quyền (bản chính, đối với trường hợp phải xin phép) hoặc Đơn đăng ký biến động (đối với trường hợp đăng ký).

b) Quyết định giá đất, đơn giá thuê đất của cấp có thẩm quyền (bản sao).

3. Trường hợp chuyển hình thức từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất:

a) Văn bản cho phép chuyển hình thức từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền (bản sao).

b) Quyết định giá đất (bản sao).

4. Trường hợp đăng ký nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn, kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:

a) Giấy tờ về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bản sao).

b) Hợp đồng thế chấp, hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc bản án hoặc quyết định thi hành án hoặc quyết định kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của cơ quan thi hành án hoặc văn bản về kết quả đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bản sao).

5. Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

5.1. Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

a) Quyết định giao đất, công nhận quyền sử dụng đất (bản sao).

b) Quyết định giá đất (bản sao).

c) Giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải xin giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (bản sao).

d) Một trong các loại văn bản: Sơ đồ hiện trạng; hoàn công; thiết kế đã được cơ quan chức năng xây dựng xác nhận (bản sao).

5.2. Chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và công trình:

a) Giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải xin giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (bản sao).

b) Một trong các loại văn bản: Sơ đồ hiện trạng; hoàn công; thiết kế đã được cơ quan chức năng xây dựng xác nhận (bản sao).

Riêng đối với các loại nhà ở, công trình và vật kiến trúc có đặc thù riêng thì thành phần hồ sơ bổ sung:

- Hợp đồng xây dựng và Bản thanh lý hợp đồng xây dựng;

- Hóa đơn giá trị gia tăng về xây dựng công trình;

- Quyết toán công trình xây dựng hoàn thành.

5.3. Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho:

a) Giấy tờ về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (bản sao).

b) Văn bản giao dịch về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (trường hợp nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) hoặc văn bản giao dịch về quyền sử dụng đất (trường hợp nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất) đã được chứng thực hoặc công chứng theo quy định của pháp luật (bản sao).

Riêng đối với trường hợp có công trình thì bổ sung:

- Giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải xin giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (bản sao).

- Một trong các loại sơ đồ: Hiện trạng; hoàn công; thiết kế đã được cơ quan chức năng xây dựng xác nhận (bản sao).

6. Trường hợp tổ chức đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nay biến động tăng diện tích thuê đất:

a) Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc thay đổi diện tích (bản sao).

b) Hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp thuê đất).

7. Trường hợp biến động đổi tên (tổ chức):

Các loại giấy tờ liên quan đến thủ tục đổi tên.

8. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất thuê, chấm dứt hợp đồng thuê đất:

a) Quyết định thu hồi đối với thửa đất thuê.

b) Văn bản thanh lý hợp đồng thuê đất.

9. Trường hợp khai miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

9.1. Trường hợp khai miễn, giảm tiền sử dụng đất, phải có các văn bản, giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đối với các trường hợp khuyến khích đầu tư.

b) Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt dự án đầu tư đối với dự án công trình công cộng có mục đích kinh doanh, dự án xây dựng ký túc xá sinh viên, xây dựng nhà cho người có công, xây dựng chung cư cao tầng cho công nhân khu công nghiệp, nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở xã hội.

c) Quyết định di dời và dự án đầu tư được phê duyệt theo thẩm quyền đối với nhà máy, xí nghiệp di dời theo quy hoạch.

d) Đối với hộ thuộc diện nghèo phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về hộ nghèo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

đ) Đối với hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số phải có hộ khẩu (ở nơi đã có hộ khẩu) hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (ở nơi chưa có hộ khẩu).

e) Đối với hộ gia đình, cá nhân có công với cách mạng phải có giấy tờ có liên quan chứng minh thuộc diện được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc của cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, phân cấp.

9.2. Trường hợp khai miễn, giảm tiền thuê đất:

Thành phần hồ sơ theo Khoản 6, Điều 39, Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính (nếu có).

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC

TRONG VIỆC TIẾP NHẬN VÀ LUÂN CHUYỂN THÔNG TIN ĐỊA CHÍNH

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc tiếp nhận và luân chuyển hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính

1. Trách nhiệm của cơ quan Tài nguyên và Môi trường:

- Kiểm tra tính pháp lý của từng hồ sơ theo các trường hợp quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quy định này;

- Khi nhận được hồ sơ hợp lệ của người sử dụng đất, cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập văn bản chuyển vị trí để xác định giá gửi cơ quan Tài chính, phiếu chuyển thông tin địa chính chuyển cho cơ quan Thuế. Thời gian thực hiện từng công việc trên tối đa không quá năm (05) ngày làm việc;

- Chuyển giao một (01) bộ "Hồ sơ luân chuyển" cho cơ quan Tài chính để xác định đơn giá đất. Khi có đơn giá đất chuyển giao một (01) bộ "Hồ sơ luân chuyển" cho cơ quan Thuế để làm cơ sở ban hành "Thông báo nộp tiền" theo phân cấp;

- Tiếp nhận quyết định giá đất, đơn giá thuê đất của cơ quan có thẩm quyền chuyển đến, thực hiện việc cập nhật vào "Hồ sơ luân chuyển" lập hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp thuê đất);

- Tiếp nhận thông báo nộp tiền (các khoản nghĩa vụ mà người sử dụng đất phải thực hiện) do cơ quan Thuế chuyển đến; kiểm tra và ghi vào sổ theo dõi giao nhận hồ sơ;

- Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo hoặc gửi "Thông báo nộp tiền" cho người sử dụng đất và yêu cầu người nhận ghi rõ ngày, tháng, năm nhận, ký tên vào thông báo và sổ giao nhận;

- Định kỳ vào ngày cuối cùng của tháng, cơ quan Tài nguyên và Môi trường lập danh sách những đối tượng có nghĩa vụ nộp thuế đã nhận “Thông báo nộp tiền”, trong đó ghi rõ, ngày, tháng ký nhận thông báo để cơ quan Thuế có cơ sở thực hiện phạt chậm nộp tiền thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

2. Trách nhiệm của cơ quan Tài chính các cấp:

- Tiếp nhận và kiểm tra thành phần "Hồ sơ luân chuyển" từ cơ quan Tài nguyên và Môi trường chuyển đến theo Điều 4 của Quy định này;

- Tiếp nhận và ghi vào sổ giao nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đảm bảo căn cứ để xác định giá thì cơ quan Tài chính có văn bản chuyển hồ sơ lại cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường để bổ sung;

- Trong thời hạn không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc, cơ quan Tài chính có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định về giá đất. Cơ quan Tài chính ban hành đơn giá đất, chuyển cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp phải thuê đơn vị có chức năng thẩm định giá để xác định giá đất của dự án, thời gian xác định giá đất không quá ba mươi (30) ngày làm việc;

- Sau khi có quyết định phê duyệt giá đất hoặc đơn giá thuê đất của từng dự án, cơ quan có thẩm quyền ban hành gửi quyết định giá đất đến cơ quan Thuế, cơ quan Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan mỗi đơn vị một (01) bản để thực hiện nhiệm vụ theo quy định;

- Đối với những trường hợp thuê đất, khi quyết định phê duyệt đơn giá thuê đất của cấp có thẩm quyền đã hết thời hạn ổn định năm (05) năm, thì cơ quan Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan Thuế, cơ quan Tài nguyên và Môi trường thống nhất tính lại đơn giá trình Ủy ban nhân dân cùng cấp điều chỉnh hoặc ban hành đơn giá (mới) cho thời kỳ ổn định 05 năm tiếp theo.

3. Trách nhiệm của cơ quan Thuế các cấp:

- Tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ luân chuyển từ cơ quan Tài nguyên và Môi trường chuyển đến theo Điều 5 Quy định này;

- Tiếp nhận và ghi vào sổ giao nhận hồ sơ về nghĩa vụ tài chính. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đảm bảo căn cứ để tính các khoản phải nộp, thì cơ quan Thuế có văn bản chuyển hồ sơ lại cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường để bổ sung;

- Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ "Hồ sơ luân chuyển" do cơ quan Tài nguyên và Môi trường chuyển đến, cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định các khoản nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và ban hành "Thông báo nộp tiền" theo mẫu quy định. Mỗi loại "Thông báo nộp tiền" phải lập thành hai (02) bản chính: Một (01) bản chuyển cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường để trao cho người sử dụng đất, một (01) bản lưu vào hồ sơ;

- Trường hợp Cục Thuế có văn bản đề nghị Chi cục Thuế ra thông báo nộp tiền đối với các tổ chức, Cục Thuế có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở Chi cục Thuế cấp huyện thông báo về Cục Thuế để chuyển thông tin cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường;

- Đối với hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ "Hồ sơ luân chuyển" do cơ quan Tài nguyên và Môi trường chuyển đến hoặc người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất bổ sung, cơ quan thuế có trách nhiệm xác định nghĩa vụ tài chính và ban hành "Thông báo nộp tiền" theo mẫu quy định;

- Hàng năm, cơ quan Thuế có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Tài chính, cơ quan Tài nguyên và Môi trường rà soát và đề xuất các trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm nhưng đơn giá thuê đất đã hết thời hạn ổn định 05 năm;

- Căn cứ vào phản hồi của Kho bạc Nhà nước hoặc Tổ chức tín dụng được ủy nhiệm thu ngân sách nhà nước, cơ quan Thuế có văn bản gửi cơ quan Tài nguyên và Môi trường xác nhận về việc các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính.

4. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước hoặc Tổ chức tín dụng được ủy nhiệm thu ngân sách nhà nước:

- Thực hiện thu tiền và lập chứng từ theo "Thông báo nộp tiền" của cơ quan Thuế do người sử dụng đất hoặc người được ủy quyền mang đến nộp vào ngân sách nhà nước. Khi thu tiền phải kiểm tra tính hợp pháp của "Thông báo nộp tiền" để ghi chứng từ thu tiền;

- Khi lập chứng từ thu tiền Kho bạc Nhà nước hoặc Tổ chức tín dụng được ủy nhiệm thu ngân sách nhà nước cần kiểm tra, ghi đúng số, ngày, tháng thông báo của cơ quan Thuế. Trường hợp quá ngày phải nộp tiền ghi trên "Thông báo nộp tiền" của cơ quan Thuế, mà người sử dụng đất vẫn chưa thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước thì cơ quan thu tiền thực hiện phạt chậm nộp theo quy định của pháp luật hiện hành. Khi thu tiền phạt, cơ quan thu phải lập chứng từ thu tiền phạt, thực hiện luân chuyển chứng từ và quản lý số tiền phạt chậm nộp thu được theo đúng quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và các khoản thu ngân sách nhà nước;

- Phản hồi về cơ quan Thuế các huyện, thị xã, thành phố về việc các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

5. Trách nhiệm của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Thông báo hoặc gửi "Thông báo nộp tiền" cho người sử dụng đất và yêu cầu người nhận ghi rõ ngày, tháng, năm nhận, ký tên vào thông báo và sổ giao nhận để cơ quan thu tiền có cơ sở tính thu tiền phạt nộp chậm.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Thuế, Kho bạc Nhà nước các cấp phối hợp tổ chức, triển khai thực hiện Quy định này, định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giao cho các cơ quan chuyên môn công khai Quy định về quy trình phối hợp luân chuyển hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang cho tất cả các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân biết thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Văn Thi

PHỤ LỤC
TỜ KHAI THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quy định về quy trình phối hợp luân chuyển hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang)

STT	Tên Tờ khai	Mẫu số	Ghi chú
1	Tờ khai tiền sử dụng đất	Mẫu 01/TSDĐ	Thông tư số 28/2011/TT-BTC
2	Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất	Mẫu 01/LPTB	Thông tư số 28/2011/TT-BTC
3	Tờ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước	Mẫu 01/TMDN	Thông tư số 28/2011/TT-BTC
4	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân	Mẫu 11/KK-TNCN	Thông tư số 28/2011/TT-BTC
5	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp	Mẫu số 02/TNDN	Thông tư số 28/2011/TT-BTC